

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

MST: 0101809894

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

QUÝ 1 NĂM 2026

Báo cáo gồm có:

- Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất
- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hợp nhất
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất
- Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2026

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2,479,708,697,831	281,773,726,084
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	25,796,054,155	2,077,429,805
1. Tiền	111		25,796,054,155	2,077,429,805
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		210,889,737,658	11,360,550,727
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123	V.2	210,889,737,658	11,360,550,727
4. Dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn (*)	124			
5. Đầu tư ngắn hạn khác	125			
6. Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư ngắn hạn khác (*)	126			
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1,497,089,249,979	208,800,844,940
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	1,170,907,296,225	210,039,502,965
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	279,909,446,697	4,888,939,945
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu ngắn hạn khác	135	V.5a	55,133,341,934	1,105,282,500
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	136	V.6	(8,860,834,877)	(7,232,880,470)
7. Tài sản thiếu chờ xử lý	137		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		540,559,649,126	59,263,271,027
1. Hàng tồn kho	141	V.7	544,066,510,755	62,770,132,656
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	142		(3,506,861,629)	(3,506,861,629)
V. Tài sản sinh học ngắn hạn	150		-	-
1. Súc vật nuôi lấy sản phẩm một lần ngắn hạn	151		-	-
2. Cây trồng theo mùa vụ hoặc lấy sản phẩm một lần ngắn hạn	152		-	-
3. Dự phòng tổn thất tài sản sinh học ngắn hạn (*)	153		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	160		205,374,006,913	271,629,585
1. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161	V.8a	3,106,305,794	150,846,308

Báo cáo này phải được đọc cùng bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	162	201,957,158,784	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	163	310,542,335	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	164	-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	165	-	120,783,277

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô D, Cụm công nghiệp thị trấn Phùng, Xã Đan Phượng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý I năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		444,214,127,752	21,607,859,563
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		166,041,324,548	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu dài hạn khác	215	V.5b	166,041,324,548	-
6. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	216	V.6	-	-
II. Tài sản cố định	220		269,491,459,596	21,126,541,072
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	53,756,907,929	21,126,541,072
<i>Nguyên giá</i>	222		171,816,475,861	39,406,774,563
<i>Giá trị hao mòn lũy kế (*)</i>	223		(118,059,567,932)	(18,280,233,491)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.10	186,745,722,687	-
<i>Nguyên giá</i>	225		224,802,377,836	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế (*)</i>	226		(38,056,655,149)	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	28,988,828,980	-
<i>Nguyên giá</i>	228		32,937,102,244	159,181,000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế (*)</i>	229		(3,948,273,264)	(159,181,000)
III. Tài sản sinh học dài hạn	230		-	-
1. Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ	231		-	-
a) Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ chưa đến giai đoạn trưởng thành	232		-	-
b) Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ đến giai đoạn trưởng thành	233		-	-
<i>Nguyên giá</i>	234		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế (*)</i>	235		-	-
2. Súc vật nuôi lấy sản phẩm một lần dài hạn	236		-	-
3. Cây trồng theo mùa vụ hoặc lấy sản phẩm một lần dài hạn	237		-	-
4. Dự phòng tổn thất tài sản sinh học dài hạn (*)	238		-	-
IV. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế (*)</i>	242		-	-
V. Tài sản dở dang dài hạn	250		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	251		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	252		-	-
VI. Đầu tư tài chính dài hạn	260		25,000,000	-
1. Đầu tư vào công ty con	261		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	262		-	-

Báo cáo này phải được đọc cùng bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô D, Cụm công nghiệp thị trấn Phùng, Xã Đan Phượng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý I năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất (tiếp theo)

3.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	263		
4.	Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác dài hạn (*)	264		
5.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	265	25,000,000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô D, Cụm công nghiệp thị trấn Phùng, Xã Đan Phượng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý I năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất (tiếp theo)

6. Dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	266			
VII Tài sản dài hạn khác	270		8,656,343,608	481,318,491
1. Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271		8,656,343,608	481,318,491
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	272			
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	273			
4. Tài sản dài hạn khác	274			
5. Lợi thế thương mại	279		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	280		2,923,922,825,583	303,381,585,647
	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		2,270,207,952,557	140,540,025,082
I. Nợ ngắn hạn	310		2,225,389,567,052	138,160,320,005
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	194,835,828,781	43,356,738,430
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	50,379,736,309	464,004,578
3. Phải trả cổ tức, lợi nhuận	313			
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.14	1,978,814,227	2,561,403,149
5. Phải trả người lao động	315		6,171,623,493	1,482,247,378
6. Chi phí phải trả ngắn hạn	316	V.15	1,037,962,047	366,558,363
7. Phải trả nội bộ ngắn hạn	317			
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318			
9. Doanh thu chờ phân bổ ngắn hạn	319			
10. Phải trả ngắn hạn khác	320	V.16a	59,227,721,220	342,356,253
11. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	321	V.17a	1,908,601,103,098	87,740,763,667
12. Dự phòng phải trả ngắn hạn	322		329,908,941	329,908,941
13. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.18	2,826,868,936	1,516,339,246
14. Quỹ bình ổn giá	324		-	-
15. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	325		-	-
II. Nợ dài hạn	330		44,818,385,505	2,379,705,077
1. Phải trả người bán dài hạn	331			
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332			
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước dài hạn	333			
4. Chi phí phải trả dài hạn	334			
5. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	335			
6. Phải trả nội bộ dài hạn	336			
7. Doanh thu chờ phân bổ dài hạn	337			
8. Phải trả dài hạn khác	338			
9. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	339	V.17b	43,903,680,428	1,465,000,000

Báo cáo này phải được đọc cùng bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô D, Cụm công nghiệp thị trấn Phùng, Xã Đan Phượng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý I năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất (tiếp theo)

10. Trái phiếu chuyển đổi	340		
11. Cổ phiếu ưu đãi	341		
12. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	342		
13. Dự phòng phải trả dài hạn	343	914,705,077	914,705,077
14. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	344	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô D, Cụm công nghiệp thị trấn Phùng, Xã Đan Phượng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý I năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		653,714,873,026	162,841,560,565
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.19	650,039,190,000	149,531,560,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		650,039,190,000	149,531,560,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn	412		1,101,120,105	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		(24,068,435,285)	-
5. Cổ phiếu mua lại của chính mình (*)	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		26,642,998,206	13,310,000,565
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	420a		19,746,531,996	778,568,985
- LNST chưa phân phối kỳ này	420b		6,896,466,210	12,531,431,580
11. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2,923,922,825,583	303,381,585,647

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lập, ngày 29 tháng 04 năm 2026

Giám Đốc





Trịnh Thị Kim Anh

Trịnh Thị Kim Anh

Trần Ngọc Hùng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho Quý I năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

		Thuyết minh	Đơn vị tính: VND			
			Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này			
CHỈ TIÊU		Mã số	Năm nay	Năm trước	Năm 2026	Năm 2025
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	536,766,793,559	67,710,280,348	536,766,793,559	67,710,280,348
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	1,684,705,809	2,205,261,266	1,684,705,809	2,205,261,266
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	535,082,087,750	65,505,019,082	535,082,087,750	65,505,019,082
4.	Giá vốn hàng bán	11	495,368,591,339	60,452,484,759	495,368,591,339	60,452,484,759
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	39,713,496,411	5,052,534,323	39,713,496,411	5,052,534,323
6.	Lãi/lỗ của hoạt động bán, thanh lý bất động sản đầu tư	21	-	-	-	-
7.	Doanh thu hoạt động tài chính	22	4,055,063,531	18,047,458	4,055,063,531	18,047,458
8.	Chi phí tài chính	23	13,488,971,193	1,049,223,618	13,488,971,193	1,049,223,618
	Trong đó: Chi phí đi vay	24	11,769,060,243	1,049,223,618	11,769,060,243	1,049,223,618
9.	Chi phí bán hàng	25	12,699,563,383	449,150,413	12,699,563,383	449,150,413
10.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5,385,973,277	1,844,608,501	5,385,973,277	1,844,608,501
11.	Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	27				
12.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	12,194,052,089	1,727,599,249	12,194,052,089	1,727,599,249
13.	Thu nhập khác	31	2,748,220,112	1,201,627,368	2,748,220,112	1,201,627,368
14.	Chi phí khác	32	1,119,128	1,675,622	1,119,128	1,675,622
15.	Lợi nhuận khác	40	2,747,100,984	1,199,951,746	2,747,100,984	1,199,951,746
16.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	14,941,153,073	2,927,550,995	14,941,153,073	2,927,550,995
17.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	1,608,155,432	589,378,304	1,608,155,432	589,378,304
18.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	-	-	-	-
19.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	13,332,997,641	2,338,172,691	13,332,997,641	2,338,172,691

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô D, Cụm công nghiệp thị trấn Phùng, Xã Đan Phượng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý I năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (tiếp theo)

Lưu ý kể từ đầu năm đến cuối kỳ này

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh			Lưu ý kể từ đầu năm đến cuối kỳ này		
		Năm nay	Năm trước	Năm 2026	Năm 2025	Năm 2024	Năm 2023
20. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61	13,332,997,641	2,338,172,691	13,332,997,641	2,338,172,691		
21. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62						
22. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70	205.11	35.97	205.11	35.97		
23. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71	205.11	35.97	205.11	35.97		

Người lập biểu

Trịnh Thị Kim Anh

Kế toán trưởng

Trịnh Thị Kim Anh



CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SON HÀ

Địa chỉ: Lô D, Cụm công nghiệp thị trấn Phùng, Xã Đan Phượng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý I năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho Quý I năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		14,941,153,073	2,927,550,995
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		3,192,645,082	472,983,989
- Các khoản dự phòng	03		1,627,954,407	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư, tài chính	05		(2,426,344,117)	-
- Chi phí đi vay	06		11,769,060,243	1,049,223,618
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		29,104,468,688	4,449,758,602
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		56,634,867,704	(33,828,155,697)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(481,296,378,099)	(2,486,999,995)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể Lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		328,815,140,314	29,368,503,825
- Tăng, giảm chi phí chờ phân bổ	12		(11,130,484,603)	77,063,167
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Chi phí đi vay đã trả	14		(11,085,935,311)	(1,049,223,618)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.17	(5,253,318,119)	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.21	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(94,211,639,426)	(3,469,053,716)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(221,230,664)	(20,538,668)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(10,076,494,401)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2,426,344,117	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(7,871,380,948)	(20,538,668)

Báo cáo này phải được đọc cùng bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô D, Cụm công nghiệp thị trấn Phùng, Xã Đan Phượng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý I năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	V.22a	-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		407,822,877,983	34,239,155,645
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(279,490,941,734)	(33,595,249,390)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		(2,530,291,525)	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.16	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		125,801,644,724	643,906,255
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		23,718,624,350	(2,845,686,129)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	2,007,429,805	3,956,588,389
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		25,726,054,155	1,110,902,260

Người lập biểu



Trịnh Thị Kim Anh

Kế toán trưởng



Trịnh Thị Kim Anh



Lập, ngày 29 tháng 04 năm 2026

Giám Đốc



Trần Ngọc Hùng

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô D, Cụm Công nghiệp Thị trấn Phùng, xã Đan Phượng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT Q1.2026

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý I năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà (sau đây gọi tắt là “Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, kinh doanh thương mại, dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất kinh doanh thiết bị năng lượng.
- Sản xuất kinh doanh các sản phẩm cuộn, ống inox công nghiệp.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty

Công ty bao gồm Công ty mẹ và 01 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH MTV Sơn Hà SSP Việt Nam	Lô D, cụm công nghiệp Thị trấn Phùng, xã Đan Phượng, Thành phố Hà Nội	Sản xuất và gia công cơ khí các sản phẩm, đồ dùng bằng kim loại	100%	100%	100%

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

7. Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2026 kết thúc kỳ kế toán Quý I.2026, công ty có 378 nhân viên đang làm việc tại công ty mẹ và công ty con (số đầu năm là 378 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô D, Cụm Công nghiệp Thị trấn Phùng, xã Đan Phượng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT Q1.2026

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 43/2026/TT-BTC ngày 20 tháng 04 năm 2026 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025, Thông tư số 43/2026/TT-BTC ngày 20 tháng 04 năm 2026 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một năm tài chính và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Công ty thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Công ty, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô D, Cụm Công nghiệp Thị trấn Phùng, xã Đan Phượng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT Q1.2026

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Trường hợp công ty con huy động thêm vốn góp từ các chủ sở hữu, nếu tỷ lệ vốn góp thêm của các bên không tương ứng với tỷ lệ hiện hành thì phần chênh lệch giữa số vốn góp thêm của Công ty và phần sở hữu tăng thêm trong tài sản thuần của công ty con được ghi nhận vào khoản mục “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch. Tỷ giá xấp xỉ không vượt quá $\pm 1\%$ so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình. Tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình được xác định hàng ngày trên cơ sở trung bình cộng giữa tỷ giá mua và tỷ giá bán chuyển khoản hàng ngày của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính là tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô D, Cụm Công nghiệp Thị trấn Phùng, xã Đan Phượng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT Q1.2026

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi sau khi đã bù trừ với khoản công nợ phải trả (nếu có). Mức trích lập căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.
- Sản phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí chờ phân bổ

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô D, Cụm Công nghiệp Thị trấn Phùng, xã Đan Phượng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT Q1.2026

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Chi phí chờ phân bổ bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí chờ phân bổ của Công ty chủ yếu là công cụ dụng cụ, chi phí sửa chữa tài sản, chi phí thuê nhà, chi phí quảng cáo. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản

Được phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

Chi phí quảng cáo, thuê nhà

Chi phí quảng cáo, thuê nhà được phân bổ theo thời hạn quy định trên hợp đồng quảng cáo và hợp đồng thuê nhà.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	04 - 50
Máy móc và thiết bị	03 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10
Tài sản cố định khác	05 - 25

9. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô D, Cụm Công nghiệp Thị trấn Phùng, xã Đan Phượng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT Q1.2026

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính.

Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Máy móc và thiết bị	05 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 - 10

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo thời gian giao đất.

Chương trình phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 – 20 năm.

11. Tài sản sinh học

Tài sản sinh học của Công ty được phân loại thành ngắn hạn và dài hạn dựa trên thời gian hoặc chu kỳ dự kiến thu hồi lợi ích kinh tế:

Tài sản sinh học ngắn hạn: Bao gồm súc vật nuôi và cây trồng lấy sản phẩm một lần có thời gian dự kiến thu hoạch từ 12 tháng trở xuống hoặc trong một chu kỳ kinh doanh thông thường.

Tài sản sinh học dài hạn: Bao gồm súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ (chưa trưởng thành và đã trưởng thành); súc vật nuôi và cây trồng lấy sản phẩm một lần có thời gian dự kiến thu hồi trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh thông thường.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô D, Cụm Công nghiệp Thị trấn Phùng, xã Đan Phượng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT Q1.2026

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Ghi nhận ban đầu: Tài sản sinh học được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm chi phí mua, gieo trồng, chăn nuôi và chăm sóc.

Đánh giá sau ghi nhận ban đầu: Đối với súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ đã đạt đến giai đoạn trưởng thành: Trình bày theo Nguyên giá trừ đi Giá trị khấu hao lũy kế.

Đối với các tài sản sinh học khác: Trình bày theo giá trị sổ sách.

Dự phòng tổn thất tài sản sinh học: Tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán, Công ty xem xét và trích lập dự phòng tổn thất cho cả tài sản sinh học ngắn hạn và dài hạn. Trên Báo cáo tình hình tài chính, chỉ tiêu Tài sản sinh học được trình bày theo giá trị thuần.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

13. Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm: giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Công ty phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày nắm giữ quyền kiểm soát.

Đối với giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, giá phí hợp nhất kinh doanh được tính là tổng của giá phí khoản đầu tư tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con cộng với giá phí khoản đầu tư của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con. Chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát Công ty không có ảnh hưởng đáng kể với công ty con và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp giá gốc. Nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát, Công ty có ảnh hưởng đáng kể và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu thì phần chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và phần chênh lệch giữa giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Phần chênh lệch cao hơn của giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của Công ty trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu của Công ty trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng được ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con vượt quá giá phí hợp nhất kinh doanh thì phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô D, Cụm Công nghiệp Thị trấn Phùng, xã Đan Phượng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT Q1.2026

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm. Khi có bằng chứng cho thấy lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ thì số phân bổ trong năm là số tổn thất phát sinh.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng được ghi nhận.

14. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

15. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Công ty.

Thặng dư vốn

Thặng dư vốn được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu mua lại của chính mình

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là Cổ phiếu mua lại của chính mình và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn”.

16. Phân phối lợi nhuận

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô D, Cụm Công nghiệp Thị trấn Phùng, xã Đan Phượng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT Q1.2026

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

17. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa, sản phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, sản phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Công ty đã không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô D, Cụm Công nghiệp Thị trấn Phùng, xã Đan Phượng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT Q1.2026

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

18. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại, trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm nay.
- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại, trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất : ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm sau.

19. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

20. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

21. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô D, Cụm Công nghiệp Thị trấn Phùng, xã Đan Phượng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT Q1.2026

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp;
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế;
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

22. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

23. Báo cáo theo bộ phận

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô D, Cụm Công nghiệp Thị trấn Phùng, xã Đan Phượng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT Q1.2026

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	7.143.583.373	264.970.944
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	18.652.470.782	1.812.458.861
Tiền đang chuyển	-	-
Cộng	25.796.054.155	2.077.429.805

2. Các khoản đầu tư tài chính

Là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn 12 tháng, lãi suất 4,2% - 4,9%/năm, có giá trị ghi sổ bằng giá gốc. Các khoản tiền gửi này được dùng làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn tại cùng ngân hàng:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ngắn hạn	210.889.737.658	11.360.550.727
Tiền gửi có kỳ hạn	206.747.151.784	11.184.025.247
Dự thu lãi tiền gửi, lãi cho vay	4.142.585.874	176.525.480
Dài hạn	25.000.000	-
Tiền gửi có kỳ hạn trên 12 tháng	25.000.000	
Cộng	210.914.737.658	11.360.550.727

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm/kỳ	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	375.391.783.335	122.855.301.982
Công ty cổ phần Kinh doanh và Phát Triển Dự án Sơn Hà	67.876.380	47.674.440
Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn	11.285.748.991	1.091.288.081
Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà	246.954.095.386	113.281.176.522
Công ty TNHH Một Thành Viên Sơn Hà Nghệ An (SHV)	19.980.000	-
Công ty Cổ phần Sơn Hà Nghệ An	647.831.248	874.627.580
Công ty TNHH MTV Kinh doanh và Phát triển Dịch vụ Sơn Hà Miền Bắc	5.275.780.030	4.121.935.878
Công ty TNHH Một thành viên Toàn Mỹ Miền Trung	1.157.515.972	1.185.607.132

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô D, Cụm Công nghiệp Thị trấn Phùng, xã Đan Phượng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT Q1.2026

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Công ty Cổ phần thiết bị gia dụng Sơn Hà Bắc Ninh	94.251.503.704	507.369.047
Công ty Cổ phần Tổng công ty Toàn Mỹ	15.604.545.593	1.745.623.302
Công ty Cổ phần Giải pháp công nghệ Nước và Môi Trường Sơn Hà GM Việt Nam	126.906.031	
Công ty Cổ phần Năng lượng Sơn Hà	-	
Phải thu các khách hàng khác	795.515.512.890	87.184.200.983
Công ty Cổ phần Thương mại Quốc tế Phú Sỹ	1.119.737.886	1.119.737.886
Công ty TNHH Xe máy Xe điện Nam Tiến Phát tại Đà Nẵng	4.285.142.584	4.315.142.584
Công ty CP Xuất Nhập Khẩu Xuyên Thái Bình Dương	113.480.933.056	18.403.502.246
Công ty TNHH Thương Mại và Sản Xuất Chấn Hưng	138.624.914.378	22.693.922.709
Công ty TNHH Thương Mại Inox Hà Đông	118.591.723.912	10.857.374.251
Công ty Điện Lực Quảng Nam	-	-
Công ty TNHH Kinh Doanh Tổng Hợp Đại An	79.591.097.632	29.305.595.316
Các khách hàng khác	339.821.963.442	488.925.991
Cộng	1.170.907.296.225	210.039.502.965

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm/kỳ	Số đầu năm
Trả trước cho các bên liên quan	202.316.655.099	-
Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà	202.251.352.899	-
Công ty Cổ phần Công nghệ Xử lý Nước và Môi trường ETM	65.302.200	-
Trả trước cho người bán khác	77.592.791.598	4.888.939.945
Công ty cổ phần thương mại quốc tế Phú Sỹ	726.000.000	726.000.000
GUANGXI QINBAO INTERNATIONAL TRADE CO.,LTD	2.470.185.575	2.470.185.575
HONG KONG RUI PU CO., LIMITED	68.671.878.834	
Các nhà cung cấp khác	5.724.727.189	1.692.754.370
Cộng	279.909.446.697	4.888.939.945

5. Phải thu khác

5a. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm/kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	38.285.990.513	-	-	-
Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà	-	-	-	-
Lãi dự thu tính trên số dư khoản trả trước cho nhà cung cấp	38.014.420.448			
Thu chi hộ	2.033.800			
Công ty Cổ phần Sơn Hà Bắc Ninh – Thu chi hộ	269.536.265			
Công ty Cổ phần Phát triển năng lượng Sơn Hà – Thu chi hộ	-			

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô D, Cụm Công nghiệp Thị trấn Phùng, xã Đan Phượng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT Q1.2026

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>16.847.351.421</i>	<i>1.072.000.000)</i>	<i>1.105.282.500</i>	<i>(1.072.000.000)</i>
Tạm ứng	3.833.120.245	-	-	-
Ký cược ký quỹ	10.423.780.997	-	23.000.000	-
Phải thu về mua cổ phần (*)	1.072.000.000	(1.072.000.000)	1.072.000.000	(1.072.000.000)
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	1.518.450.179	-	10.282.500	-
Cộng	55.133.341.934	(1.072.000.000)	1.105.282.500	(1.072.000.000)

5b. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối năm/kỳ Giá trị	Dự phòng	Số đầu năm Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>158.760.000.000</i>	-	-	-
Công ty Cổ phần Tổng công ty Toàn Mỹ	158.760.000.000			
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>7.281.324.548</i>	-	-	-
Ký cược, ký quỹ	7.281.324.548			
Cộng	166.041.324.548	-	-	-

6. Dự phòng phải thu khó đòi

		Số cuối kỳ		Số đầu năm		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Dự phòng	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Dự phòng
Công ty TNHH Xe máy điện Nam Tiến Phát tại Đà Nẵng	trên 3 năm	4,315,142,584	4,315,142,584	trên 3 năm	4,315,142,584	4,315,142,584
Ông Kiều Thanh Phong	trên 3 năm	536,000,000	536,000,000	trên 3 năm	536,000,000	536,000,000
Ông Nguyễn Văn Thảo	trên 3 năm	536,000,000	536,000,000	trên 3 năm	536,000,000	536,000,000
Công ty Cổ phần thương mại Quốc tế Phú Sỹ	trên 3 năm	1,845,737,886	1,845,737,886	trên 3 năm	1,845,737,886	1,845,737,886

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô D, Cụm Công nghiệp Thị trấn Phùng, xã Đan Phượng, thành phố Hà Nội, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT Q1.2026
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Thời gian quá hạn	Giá gốc
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác		1.627.954.407	1.627.954.407	-
Cộng		8.860.834.877	8.860.834.877	7.232.880.470

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu và cho vay khó đòi như sau: Tăng : 1.627.954.407 đ do hợp nhất kinh doanh.

7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	9.988.828		-	
Nguyên liệu, vật liệu	374.750.164.596	(354.141.940)	46.995.269.542	(354.141.940)
Công cụ, dụng cụ	3.179.963.502		802.306.629	
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	424.442.559	(3.152.719.689)	307.459.652	(3.152.719.689)
Thành phẩm	161.023.785.815		8.571.212.715	
Hàng hóa	4.678.165.455	-	6.093.884.118	-
Cộng	544.066.510.755	(3.506.861.629)	62.770.132.656	(3.506.861.629)

8. Chi phí chờ phân bổ

8a. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	197.201.762	56.076.598
Chi phí bảo hiểm	366.271.210	94.769.710
Phí dịch vụ thuê văn phòng	-	-
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	2.542.832.822	-
Cộng	3.106.305.794	150.846.308

8b. Chi phí chờ phân bổ dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí công cụ dụng cụ	7.221.326.414	409.926.329
Chi phí sửa chữa	173.204.427	
Các chi phí trả trước dài hạn khác	1.261.812.767	71.392.162
Cộng	8.656.343.608	481.318.491

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô D, Cụm Công nghiệp Thị trấn Phùng, xã Đan Phượng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT Q1.2026

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	1.100.281.195	36.437.764.399	1.698.620.471	170.108.498	39.406.774.563
Mua trong năm/kỳ	-	221.230.664	-	-	221.230.664
Đầu tư XD/CB hoàn thành	-	-	-	-	-
Mua lại tài sản cố định thuê tài chính	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Tăng do hợp nhất Công ty con	2.990.313.595	122.008.394.581	5.480.531.612	1.709.230.846	132.188.470.634
Số cuối năm/kỳ	4.090.594.790	158.667.389.644	7.179.152.083	1.879.339.344	171.816.475.861
Trong đó:					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-	-	-	-
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	353.746.321	16.447.449.595	1.308.929.077	170.108.498	18.280.233.491
Khấu hao trong năm/kỳ	52.822.773	954.158.337	62.275.104	22.475.434	1.091.731.648
Mua lại tài sản cố định thuê tài chính	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Tăng do hợp nhất Công ty con	2.118.993.597	91.481.154.992	3.715.354.466	1.372.099.738	98.687.602.793
Số cuối năm/kỳ	2.525.562.691	108.882.762.924	5.086.558.647	1.564.683.670	118.059.567.932
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	746.534.874	19.990.314.804	389.691.394	-	21.126.541.072
Số cuối năm/kỳ	1.565.032.099	49.784.626.720	2.092.593.436	314.655.674	53.756.907.929

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô D, Cụm Công nghiệp Thị trấn Phùng, xã Đan Phượng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT Q1.2026

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

10. Tài sản cố định thuê tài chính

	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá		
Số đầu năm		-
Thuê tài chính trong năm/kỳ	11.089.926.667	11.089.926.667
Tăng do hợp nhất kinh doanh	213.712.451.169	213.712.451.169
Số cuối năm/kỳ	224.802.377.836	224.802.377.836
Giá trị hao mòn		
Số đầu năm		-
Khấu hao trong năm/kỳ	1.963.788.844	1.963.788.844
Tăng do hợp nhất kinh doanh	36.092.866.305	36.092.866.305
Số cuối năm/kỳ	38.056.655.149	38.056.655.149
Giá trị còn lại		
Số đầu năm	-	-
Số cuối năm/kỳ	186.745.722.687	186.745.722.687

11. Tài sản cố định vô hình

	<u>Chương trình phần mềm</u>	<u>TSCĐ vô hình khác</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá			
Số đầu năm	102.285.000	56.896.000	159.181.000
Mua trong năm/kỳ			-
Tăng do hợp nhất	32.777.921.244		32.777.921.244
Số cuối năm/kỳ	32.880.206.244	56.896.000	32.937.102.244
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	102.285.000	56.896.000	159.181.000
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	102.285.000	56.896.000	159.181.000
Khấu hao trong năm/kỳ	137.124.590		137.124.590
Tăng do hợp nhất	3.651.967.674		3.651.967.674
Số cuối năm/kỳ	3.891.377.264	56.896.000	3.948.273.264
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	-	-	-
Số cuối năm/kỳ	28.988.828.980	-	28.988.828.980

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô D, Cụm Công nghiệp Thị trấn Phùng, xã Đan Phượng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT Q1.2026

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm/kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	63.084.347.080	36.111.169.785
Công ty Cổ Phần Quốc tế Sơn Hà	59.878.035	
Công ty cổ phần thiết bị gia dụng Sơn Hà Bắc Ninh	23.474.472.522	9.135.676.960
Công ty TNHH một thành viên Sơn Hà SSP Việt Nam	-	26.975.492.825
Công ty Cổ phần Điện mặt trời Sơn Hà Free Solar	141.794.523	
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Toàn Mỹ	39.408.202.000	-
Phải trả các nhà cung cấp khác	131.751.481.701	7.245.568.645
Công ty Cổ phần Kinh Doanh Dịch Vụ Hoàng An	13.777.301.170	-
Công ty TNHH thương mại và đầu tư Thiên Long	12.925.127.169	-
Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Inox Minh Phú	34.544.138.273	-
Các nhà cung cấp khác	70.504.915.089	7.245.568.645
Cộng	194.835.828.781	43.356.738.430

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trả trước của các khách hàng khác	50.379.736.309	464.004.578
Công ty Cổ Phần Castrol Gogoro Mobility (CGM)	22.449.730.828	
Các khách hàng khác	27.930.005.481	464.004.578
Cộng	50.379.736.309	464.004.578

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô D, Cụm Công nghiệp Thị trấn Phùng, xã Đan Phượng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT Q1.2026

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Tăng do hợp nhất	Số cuối năm	
	Phải nộp	Số phải nộp trong năm/kỳ	Số phải nộp trong năm/kỳ	Số đã thực nộp trong năm/kỳ		Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	647.277.188	912.256.982	(1.182.880.981)	-	-	376.653.189	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	6.286.453.166	(6.286.453.166)	-	-	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	35.673.803	(35.673.803)	(310.542.335)	(310.542.335)	-	310.542.335
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.889.893.255	1.608.155.432	(5.253.318.119)	3.308.194.244	3.308.194.244	1.552.924.812	-
Thuế thu nhập cá nhân	24.232.706	43.621.703	(189.310.323)	170.692.140	170.692.140	49.236.226	-
Thuế nhà đất	-	-	-	-	-	-	-
Lệ phí môn bài	-	-	-	-	-	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	1.061.787	(1.061.787)	-	-	-	-
Cộng	2.561.403.149	8.888.172.873	(12.949.648.179)	3.168.344.049	3.168.344.049	1.978.814.227	310.542.335

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô D, Cụm Công nghiệp Thị trấn Phùng, xã Đan Phượng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT Q1.2026

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm/kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	97.297.115	-
Công ty CP TCT Toàn Mỹ - Chi phí tiền điện Bàu Bàng	97.297.115	
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	940.664.932	366.558.363
Dự trả chi phí lãi vay	683.124.932	-
Chi phí nhân công thuê ngoài	257.540.000	366.558.363
Cộng	1.037.962.047	366.558.363

16. Phải trả khác**16a. Phải trả ngắn hạn khác**

	Số cuối năm/kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	-	-
Phải trả các đơn vị và cá nhân khác	59.227.721.220	342.356.253
Kinh phí công đoàn	995.923.980	260.959.485
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	594.780.643	-
Phải trả Ngân hàng - Upass, bao thanh toán	-	-
Ngân hàng TMCP Tiên Phong -CN Tây Hà Nội	11.870.855.429	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - chi nhánh Hoài Đức	45.267.379.649	-
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	5.000.000	5.000.000
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	493.781.519	76.396.768
Cộng	59.227.721.220	342.356.253

17. Vay và nợ thuê tài chính**17a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	Số cuối năm/kỳ	Số đầu năm
	Giá trị	Giá trị
Vay ngắn hạn phải trả ngân hàng	1.887.914.867.501	86.260.763.667
Vay ngắn hạn ngân hàng BIDV Thanh Xuân	9.894.520.431	19.101.072.343
Vay ngắn hạn ngân hàng VP Tây Hồ	13.595.438.871	13.595.438.871
Ngân hàng TMCP Quân Đội - CN Đống Đa-PGD Thành Công	43.138.572.349	53.564.252.453
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Thăng Long	379.572.305.353	
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân	469.242.991.263	
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN- Chi nhánh Hoài Đức	163.633.084.028	

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô D, Cụm Công nghiệp Thị trấn Phùng, xã Đan Phượng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT Q1.2026

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Quang Minh	-	
Ngân hàng TMCP Đông Nam á Đông NAM á -CN Đại An	5.981.796.810	
Ngân hàng TMCP Tiên phong - chi nhánh Tây Hà Nội	125.267.400.492	
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - chi nhánh Kinh Đô	50.070.879.334	
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - CN Đông Đô	180.788.183.527	
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - CN Sở Giao dịch (VIB)	89.219.404.004	
Ngân hàng First Commercial Bank, Ltd. Chi nhánh Thăng Long	100.758.457.278	
Ngân hàng TMCP An Bình CN Hà Nội PGD Đại Kim	33.143.289.246	
Ngân hàng ESUN Bank - CN Đồng Nai	51.898.871.887	
Ngân hàng SINOPAC CN Hồ Chí Minh	-	
Ngân hàng Đại Chúng TNHH KASIKORNBANK-Chi nhánh TP HCM	84.154.888.193	
Ngân hàng Thương mại cổ phần Bắc Á	87.554.784.435	
	-	
Vay dài hạn đến hạn trả	3.122.420.574	1.480.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả Vietinbank Nghệ An	1.110.000.000	1.480.000.000
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	2.012.420.574	
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	17.563.815.023	
Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính	14.465.218.406	
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam		
Công ty Cho thuê Tài chính TNHH BIDV-SuMi TRUST	3.098.596.617	
Cộng	1.908.601.103.098	87.740.763.667

17b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số cuối năm/kỳ	Số đầu năm
	Giá trị	Giá trị
Vay dài hạn ngân hàng	2.996.143.861	1.465.000.000
Vay dài hạn ngân hàng Vietinbank Nghệ An	1.465.000.000	1.465.000.000
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	1.531.143.861	
Nợ thuê tài chính	40.907.536.567	-
Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV	33.594.661.067	
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam		
Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease - Chi nhánh Hà Nội	7.312.875.500	
Cộng	43.903.680.428	1.465.000.000

18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô D, Cụm Công nghiệp Thị trấn Phùng, xã Đan Phượng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT Q1.2026

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

	Số đầu năm	Tăng khác	Số cuối năm/kỳ
Quỹ khen thưởng	1.516.339.246	1.310.529.690	2.826.868.936
Cộng	1.516.339.246	1.310.529.690	2.826.868.936

19. Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm nay	149.531.560.000	-	-	13.310.000.565	162.841.560.565
Tăng vốn cổ phần từ phát hành cp hoán đổi CP SSP	500.507.630.000	1.101.120.105	(24.068.435.285)	-	477.540.314.820
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	-	13.332.997.641	13.332.997.641
Số dư cuối kỳ này	650.039.190.000	1.101.120.105	(24.068.435.285)	26.642.998.206	653.714.873.026

19a. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Quốc Tế Sơn Hà	575.837.270.000	75.329.640.000
Các cổ đông khác	74.201.920.000	74.201.920.000
Cộng	650.039.190.000	149.531.560.000

19b. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành		
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	65.003.919	14.953.156
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại		
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	65.003.919	14.953.156

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô D, Cụm Công nghiệp Thị trấn Phùng, xã Đan Phượng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT Q1.2026

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa	138.129.580.331	41.465.970.157
Doanh thu bán thành phẩm	397.590.442.015	25.406.846.379
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.046.771.213	
Cộng	536.766.793.559	67.710.280.348

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Quý I.2026	Quý I.2025
Chiết khấu thương mại	1.124.145.161	966.950.000
Hàng bán bị trả lại	560.560.648	1.238.311.266
Cộng	1.684.705.809	2.205.261.266

3. Giá vốn hàng bán

	Quý I.2026	Quý I.2025
Giá vốn bán hàng hóa	128.255.954.368	22.312.053.557
Giá vốn bán thành phẩm	366.605.794.118	37.663.239.019
Giá vốn cung cấp dịch vụ	506.842.853	
Cộng	495.368.591.339	60.452.484.759

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Quý I.2026	Quý I.2025
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	659.675.334	
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	1.982.862	18.047.458
Lãi tiền cho vay	1.766.668.783	
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	1.626.736.552	
Cộng	4.055.063.531	18.047.458

5. Chi phí tài chính

	Quý I.2026	Quý I.2025
Chi phí lãi vay	11.769.060.243	1.049.223.618
Chiết khấu thanh toán cho người mua	1.509.596.212	
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	210.314.738	
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	
Cộng	13.488.971.193	1.049.223.618

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô D, Cụm Công nghiệp Thị trấn Phùng, xã Đan Phượng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT Q1.2026

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

6. Chi phí bán hàng

	Quý I.2026	Quý I.2025
Chi phí cho nhân viên	1.141.000.738	26.648.274
Chi phí đồ dùng	274.261.059	
Chi phí khấu hao tài sản cố định	26.417.484	30.791.508
Chi phí bảo hành	235.998.049	206.108.853
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.986.091.142	68.127.436
Các chi phí khác	35.794.911	117.474.342
Cộng	12.699.563.383	449.150.413

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Quý I.2026	Quý I.2025
Chi phí cho nhân viên	1.514.015.403	1.136.070.717
Chi phí đồ dùng văn phòng	3.868.366	
Chi phí khấu hao tài sản cố định	379.970.451	56.655.281
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.606.747.734	269.429.614
Các chi phí khác	1.881.371.323	382.452.889
Cộng	5.385.973.277	1.844.608.501

8. Thu nhập khác

	Quý I.2026	Quý I.2025
Phạt vi phạm hợp đồng	2.740.147.710	1.201.627.368
Thu nhập khác	8.072.402	
Cộng	2.748.220.112	1.201.627.368

9. Chi phí khác

	Quý I.2026	Quý I.2025
Phạt vi phạm hành chính, vi phạm hợp đồng		
Thuế bị phạt, bị truy thu		
Khấu hao tài sản không sử dụng		
Chi phí khác	1.119.128	1.675.622
Cộng	1.119.128	1.675.622

10. Lãi trên cổ phiếu*Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu***Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này**

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông công ty mẹ	13.332.997.641	2.338.172.691
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	13.332.997.641	2.338.172.691

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô D, Cụm Công nghiệp Thị trấn Phùng, xã Đan Phượng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT Q1.2026

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

	Năm nay	Năm trước
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	65.003.919	65.003.919
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	205	36

Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu được tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	14.953.156	
Ảnh hưởng của việc trả cổ tức bằng cổ phiếu, phát hành thêm cổ phiếu	-	
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	50.050.763	
	65.003.919	65.003.919

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Giám đốc, kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Dự án Sơn Hà	Cùng công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Kinh doanh và Phát triển dịch vụ Sơn Hà Miền Bắc	Cùng công ty mẹ
Công ty Cổ phần Tổng công ty Toàn Mỹ ("Toàn Mỹ")	Cùng công ty mẹ
Công ty Cổ phần Sơn Hà Nghệ An	Công ty con của Toàn Mỹ
Công ty TNHH MTV Thiết bị Gia dụng Sơn Hà Bắc Ninh	Công ty con của Toàn Mỹ
Công ty Cổ phần Thiết bị Nhà bếp Sơn Hà	Công ty con của Toàn Mỹ
Công ty TNHH MTV Toàn Mỹ Miền Trung	Công ty con của Toàn Mỹ
Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn	Bên liên quan của Công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Quốc Tế Sơn Hà - Chu Lai	Công ty con của Sơn Hà Sài Gòn

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô D, Cụm Công nghiệp Thị trấn Phùng, xã Đan Phượng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT Q1.2026

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thị trường. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận

Lập ngày 29 tháng 04 năm 2026

Người lập biểu



Trinh Thi Kim Anh

Kế toán trưởng



Trinh Thi Kim Anh



Giám đốc

Trần Ngọc Hùng